

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 931/2025/DS-ST
Ngày: 11/6/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Chi

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/6/2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án đối với vụ án dân sự thụ lý số 2367/2024/TLST-DS ngày 08/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3340/2025/QĐXXST-DS ngày 16/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4426/2025/QĐST-DS ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Hoài T, sinh năm: 1987

Địa chỉ liên lạc: 11 Đường 25, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí B; bà Nguyễn Ngô Nhật T1 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 002218 ngày 17/02/2025 của Văn phòng Công chứng Nguyễn Diệp).

(Ông B, bà T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: 11 đường 25, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đỗ Hoàng K, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 100 Phan Đát Đức, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày nội dung và yêu cầu:

Bà Châu Hoài T và ông Đỗ Hoàng K là chỗ quen biết, do làm ăn gặp khó khăn nên ông K có hỏi bà T vay một số tiền. Do chỗ quen biết có thể tin tưởng được nên bà T cũng đồng ý và cho ông K vay. Chính vì vậy, ngày 17/07/2023, bà T và ông Đỗ Hoàng K có ký kết hợp đồng vay tiền, nội dung hợp đồng vay tiền có ghi nhận, bà T cho ông K vay số tiền: 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng với lãi suất 19% trên 01 năm, thời gian vay 05 tháng kể từ 17/07/2023 đến ngày 17/12/2023.

Đến ngày 09/04/2024, ông K có gặp và hỏi vay bà T thêm số tiền nên bà T và ông Đỗ Hoàng K có ký kết hợp đồng vay tiền, nội dung hợp đồng vay tiền có ghi nhận, bà T cho ông K vay số tiền: 370.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 19% trên 01 năm, thời gian vay 06 tháng kể từ 09/04/2024. Ông K có hứa rằng đến thời hạn vay sẽ trả hết cho bà T cả lãi và gốc như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, nay đều đã đến hạn của cả hai hợp đồng vay tiền trên nhưng ông K chưa trả tiền gốc lẫn lãi cho bà T. Bà T đã nhiều lần gọi và nhắc nhở nhưng ông K vẫn không chịu trả.

Do đó, bà T đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết đơn khởi kiện của bà T:

Thứ nhất, đối với hợp đồng vay ngày 17/07/2023:

+ Yêu cầu ông Đỗ Hoàng K trả lại cho bà T 150.000.000 đồng, cùng với số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023: $150.000.000 \times (19\%/12) \times 05 \text{ tháng} = 11.875.000$ đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 161.875.000 đồng căn cứ theo khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

+ Yêu cầu ông Đỗ Hoàng K trả cho bà T lãi suất chậm trả được tính từ ngày 17/12/2023 đến có quyết định thi hành án, tạm tính từ ngày 17/12/2023 đến nay ngày 09/10/2024 là gần 10 tháng: $161.875.000 \times (19\% \times 50\%)/12 \times 10 \text{ tháng} = 12.815.000$ đồng căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, số tiền ông K phải trả cho bà T theo hợp đồng vay tiền ngày 17/07/2023 là: 174.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) [1].

Thứ hai, đối với hợp đồng vay ngày 09/04/2024, có ghi nhận thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 09/04/2024, tức là từ ngày 09/04/2024 đến ngày 09/10/2024:

+ Yêu cầu ông Đỗ Hoàng K trả lại cho bà T 370.000.000 đồng, cùng với số tiền lãi phát sinh từ ngày 09/04/2024 đến ngày 09/10/2024, là 06 tháng:

$370.000.000 \times (19\%/1 \text{ năm}) \times 6 \text{ tháng} = 35.150.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 405.150.000 căn cứ theo khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

+ Yêu cầu ông Đỗ Hoàng K trả cho bà T lãi suất chậm trả được tính từ ngày 09/10/2024 đến có quyết định thi hành án: $405.150.000 \times (19\% \times 50\%)/12 \times [\text{số tháng chậm trả}]$, căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, tổng số tiền ông Đỗ Hoàng K phải trả cho bà T theo hợp đồng vay tiền ngày 09/04/2024 là: $405.150.000 + 405.150.000 \times (19\% \times 50\%)/12 \times [\text{số tháng chậm trả tính đến ngày thi hành án}]$. [2]

Từ [1] và [2], tổng số tiền ông Đỗ Hoàng K phải trả cho bà T theo cả hai hợp đồng vay tiền ngày 17/07/2023 và ngày 09/04/2024 tạm tính là 579.840.000 đồng.

Ngày 27/3/2025, Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền ký ngày 09/4/2024 trên số tiền 370.000.000 đồng; đồng thời, nguyên đơn có Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện xác định chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền 17/7/2023, lãi suất trong hạn với mức lãi suất 10% từ ngày 17/7/2023 đến 17/12/2023 và lãi suất quá hạn với mức lãi suất 10% x 150% từ ngày 18/12/2023 tạm tính đến ngày 27/3/2025.

Quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn là ông Đỗ Hoàng K không đến làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí B và bà Nguyễn Ngô Nhật T1 có Đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn:

- Số tiền nợ gốc: 150.000.000 triệu đồng theo Giấy vay tiền ngày 17/7/2023; Số tiền lãi trong hạn tính trên tiền gốc từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất là 10%/năm và số tiền lãi quá hạn tính trên tiền gốc từ ngày 18/12/2023 tính đến thời điểm xét xử vụ án với mức lãi suất 10%/năm x 150% theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 370.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 09/4/2024.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của các đương sự đầy đủ theo quy định điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ theo các thỏa thuận tại hợp đồng, căn cứ theo Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu trả gốc và lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi theo giấy vay tiền ngày 17/7/2023; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09/4/2024. Án phí xem xét theo quy định pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng: Nguyên đơn có ông Nguyễn Chí B và bà Nguyễn Ngô Nhật T1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn là ông Đỗ Hoàng K vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với tiền nợ gốc 150.000.000 đồng:

Tại Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 17/7/2023 được ký giữa bà Châu Hoài T với ông Đỗ Hoàng K, tại mục 1, 4 và 5 thể hiện nội dung bà T cho ông K vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023, hình thức tiền mặt. Tại mục 7 của hợp đồng ghi nhận “Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng, bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do Bên A chuyển giao”. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc cho vay tiền giữa bà T với ông K là có thực tế và ông K đã nhận đủ số tiền vay 150.000.000 đồng.

3.2 Đối với tiền lãi:

Tại mục 6 của Hợp đồng thể hiện “Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay”, như vậy các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi nhận rõ lãi suất. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong hạn vay với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023 và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất (10% x 150%)/năm (15%/năm) tính từ ngày 18/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Số tiền lãi trong hạn (từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023) là: $150.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times 5 \text{ tháng} = 6.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi quá hạn (từ ngày 18/12/2023 đến ngày 11/6/2025) là: $(150.000.000 \text{ đồng} \times (15\%/12 \text{ tháng}) \times 17 \text{ tháng}) + (150.000.000 \text{ đồng} \times (15\%/12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày}) = 33.375.000 \text{ đồng}$.

3.3 Nguyên đơn khởi kiện xác định bị đơn chưa thanh toán nợ vay và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông K nhưng ông K không cung cấp lời khai hoặc tài liệu chứng cứ thể hiện đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn cho bà T nên theo nhận định tại 3.1 và 3.2 của bản án có căn cứ đề Hội đồng xét xử xác định tính đến thời điểm xét xử thì bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn (từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/12/2023) là 6.250.000 đồng và nợ lãi quá hạn (từ ngày 18/12/2023 đến ngày 11/6/2025) là 33.375.000 đồng; tổng cộng số tiền là $150.000.000 + 6.250.000 + 33.375.000 = 189.625.000 \text{ đồng}$. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.4 Đối với yêu cầu trả nợ số tiền nợ gốc, lãi trên số tiền 370.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 09/4/2024, nguyên đơn đã có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể là trên số tiền 189.625.000 đồng, số tiền án phí bị đơn phải chịu là 9.481.250 (chín triệu bốn trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí tại thời điểm khởi kiện vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 460, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Đỗ Hoàng K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là bà Châu Hoài T tổng số tiền nợ của Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 17/7/2023 là 189.625.000 (một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng; trong đó: nợ gốc là 150.000.000 đồng, lãi trong hạn là 6.250.000 đồng và lãi quá hạn là 33.375.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, lãi trên số tiền 370.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2024. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật nếu có tranh chấp.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn là ông Đỗ Hoàng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.481.250 (chín triệu bốn trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn là bà Châu Hoài T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.596.800 (mười ba triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067039 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- TAND TP. HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương